

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Hà Nội, tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3-4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5-6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9-29



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh trình bày báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty nguyên là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 21/06/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2017 là giai đoạn hoạt động từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đến trước ngày chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Ngày 03/07/2017, Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2300181671, đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/10/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 16/10/2019:

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH
- Tên nước ngoài : BAC NINH URBAN ENVIROMENT AND PUBLIC WORKS JSC.
- Tên viết tắt : BAC NINH URENCO
- Vốn điều lệ : 57.500.000.000 đồng (*Năm mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng*)
- Đại diện : Ông Ngô Minh Châu, Chủ tịch Hội đồng quản trị

Cổ phiếu đang giao dịch trên sàn UpCOM. Mã cổ phiếu: MBN.

Trụ sở chính: Số 4, đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành của Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Minh Châu	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Đăng Thành	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Đức Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đình Thu	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Vũ Văn Cường	Thành viên Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Cảnh	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nghiêm Thị Oanh	Thành viên
Bà Vũ Thị Nhuận	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Đức Thắng	Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/02/2020
Ông Nguyễn Đình Thu	Phó Giám đốc	Phụ trách điều hành công ty từ ngày 01/02/2020
Ông Phạm Nhật Quang	Phó Giám đốc	

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM –Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Đối với việc lập Báo cáo tài chính, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban điều hành



Ngô Minh Châu

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Số: 92/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Về Báo cáo tài chính năm 2020**của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh*

Kính gửi : **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26/03/2021 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 7.03 “Thông tin so sánh” thuộc Thuyết minh Báo cáo tài chính, Số liệu so sánh (ngày 01/01/2020) đã được điều chỉnh hồi tố.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.



Nguyễn Tài Dũng**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số 14/2021/UQ-CPA VIETNAM của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc ngày 02/01/2021

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021*

Nguyễn Trung Khánh**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1128-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.805.276.411	105.292.214.517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	23.099.652.479	25.566.479.859
1. Tiền	111		23.099.652.479	25.566.479.859
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.06	7.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.951.665.720	72.644.652.583
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	59.850.801.126	67.859.537.062
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		285.641.530	2.001.197.118
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.03	3.440.597.767	4.322.084.306
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.07	(1.625.374.703)	(1.538.165.903)
IV. Hàng tồn kho	140	5.04	1.573.291.377	1.590.799.898
1. Hàng tồn kho	141		1.573.291.377	1.590.799.898
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		180.666.835	490.282.177
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.05	180.666.835	490.282.177
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		109.289.349.066	103.494.563.900
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		103.289.194.018	100.976.342.111
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	103.289.194.018	100.976.342.111
- Nguyên giá	222		146.725.136.071	141.982.114.372
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(43.435.942.053)	(41.005.772.261)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		609.298.182	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		609.298.182	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.06	-	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		390.856.866	518.221.789
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.05	390.856.866	518.221.789
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		203.094.625.477	208.786.778.417

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		58.637.861.574	64.976.233.410
I. Nợ ngắn hạn	310		58.637.861.574	64.976.233.410
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.09	37.337.338.574	43.094.174.697
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		519.232.606	728.725.239
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.331.357.151	4.091.633.540
4. Phải trả người lao động	314		13.110.889.111	11.433.526.055
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		173.513.933	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	4.955.867.418	5.530.770.755
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		209.662.781	97.403.124
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		144.456.763.903	143.810.545.007
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	65.830.604.903	65.184.386.007
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.500.000.000	57.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.064.609.369	1.134.410.018
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.265.995.534	6.549.975.989
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		348.646.981	235.557.772
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.917.348.553	6.314.418.217
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		78.626.159.000	78.626.159.000
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		78.626.159.000	78.626.159.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		203.094.625.477	208.786.778.417
440 = 300 + 400)				

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập



Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Minh Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	213.981.781.873	175.914.535.256
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		213.981.781.873	175.914.535.256
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	198.716.100.550	158.311.693.569
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.265.681.323	17.602.841.687
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	864.388.257	1.243.722.463
7. Chi phí tài chính	22	6.04	13.798.504	35.960.028
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.798.504	35.960.028
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	8.655.418.380	10.336.065.530
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.460.852.696	8.474.538.592
11. Thu nhập khác	31	6.06	305.656.645	233.461.453
12. Chi phí khác	32	6.07	168.340.577	259.882.061
13. Lợi nhuận khác	40		137.316.068	(26.420.608)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.598.168.764	8.448.117.984
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.08	1.546.420.211	1.887.619.767
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.051.748.553	6.560.498.217
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.09	647	701

Người lập

Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thủy

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngô Minh Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	236.384.668.299	151.738.256.258
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(128.295.398.551)	(82.762.123.049)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(65.012.012.091)	(53.170.961.900)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(13.798.504)	(35.960.028)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.004.972.720)	(1.390.235.313)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.648.389.266	7.116.227.762
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(36.683.240.330)	(25.311.669.014)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.023.635.369	(3.816.465.284)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.598.628.636)	(3.089.720.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	122.088.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	14.357.978.082
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	864.388.257	1.243.722.463
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.612.152.379)	5.511.979.636
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	9.326.766.492	4.839.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.326.766.492)	(4.839.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.878.310.370)	(3.411.479.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.878.310.370)	(3.411.479.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.466.827.380)	(1.715.965.048)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.566.479.859	27.282.444.907
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.099.652.479	25.566.479.859

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập



Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thủy



Ngô Minh Châu

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu

Công ty nguyên là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 21/06/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2017 là giai đoạn hoạt động từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đến trước ngày chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Ngày 03/07/2017, Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2300181671, đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/10/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 16/10/2019:

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH
- Tên nước ngoài : BAC NINH URBAN ENVIROMENT AND PUBLIC WORKS JSC.
- Tên viết tắt : BAC NINH URENCO
- Vốn điều lệ : 57.500.000.000 đồng (*Năm mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng*)
- Đại diện : Ông Ngô Minh Châu, Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Trụ sở chính : Số 4, đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiễn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Số lao động bình quân trong năm 2020 là: 698 người.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại và độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hút bể phốt và các dịch vụ đô thị khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định tiền

Tiền: bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình của công ty bao gồm tài sản cố định thuộc lĩnh vực hoạt động công ích giao cho công ty quản lý và tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Đối với Tài sản cố định do Nhà nước giao cho Công ty quản lý được áp dụng theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm như công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân bổ ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí tài chính khác

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng của kỳ kế toán, bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng ;
- Chi phí vận chuyển, bao bì;
- Chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm:

- Chi phí nhân viên;
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động;
- Khấu hao tài sản cố định;
- Chi phí khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, phần lớn hoạt động của Công ty tập trung vào một lĩnh vực nhất định. Do đó việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung cùng địa bàn. Vì vậy việc không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.01. Tiền và tương đương tiền	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tiền	3.498.069.976	2.902.936.914
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.601.582.503	19.663.542.945
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	3.000.000.000
Cộng	23.099.652.479	25.566.479.859

5.02. Phải thu của khách hàng	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	59.850.801.126	67.859.537.062
Phải thu từ khách hàng thông thường		
- UBND xã Phù Chẩn	481.080.002	243.372.001
- BQL dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	585.887.000	585.887.000
- UBND phường Đại Phúc	279.600.000	279.600.000
- Công ty TNHH MT Tân Trường Lộc	226.968.703	226.968.703
- Phòng tài nguyên và môi trường huyện Yên Phong	860.188.000	-
- Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	98.336.700	101.881.395
- Bệnh viện sản nhi Bắc Ninh	110.880.000	110.880.000
- Các khách hàng khác	2.727.465.870	1.938.748.775
Phải thu từ ngân sách thành phố Bắc Ninh	54.480.394.851	64.372.199.188
Cộng	59.850.801.126	67.859.537.062

5.03. Phải thu khác	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	3.440.597.767	(515.495.000)	4.322.084.306	(515.495.000)
- Kinh phí công đoàn	-	-	166.370	-
- Tạm ứng	1.871.776.000	-	1.780.999.000	-
- Phải thu khác	1.568.821.767	(515.495.000)	2.540.918.936	(515.495.000)
+ Các hộ dân nhận tiền GPMB thừa DA đường vào KXLCT BVMB	331.481.000	(331.481.000)	331.481.000	(331.481.000)
+ Khu ươm cây giống Phù Lãng	184.014.000	(184.014.000)	184.014.000	(184.014.000)
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Kinh Bắc	161.000.000	-	-	-
+ Chi phí khác	892.326.767	-	2.025.423.936	-
Cộng	3.440.597.767	(515.495.000)	4.322.084.306	(515.495.000)

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****5.04. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.528.607.857		1.530.624.498	
- Công cụ, dụng cụ	44.683.520		60.175.400	
Cộng	1.573.291.377		1.590.799.898	

5.05. Chi phí trả trước

31/12/2020

01/01/2020

VND

VND

a) Ngắn hạn**180.666.835****490.282.177**

- Công cụ, dụng cụ và chi phí khác

180.666.835

490.282.177

b) Dài hạn**390.856.866****518.221.789**

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ

100.340.793

200.879.504

- Chi phí sửa chữa

290.516.073

317.342.285

Cộng**571.523.701****1.008.503.966**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B 09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****5.06. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020			
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Ngắn hạn						
{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Kinh Bắc	7.000.000.000	7.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Dài hạn						
{2} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Kinh Bắc	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
Cộng	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-

{1} Khoản tiền gửi: 5.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, ngày đáo hạn: 27/06/2021.

{2} Khoản tiền gửi: 2.000.000.000 đồng, kỳ hạn 24 tháng, ngày đáo hạn: 25/12/2021 được phân loại sang ngắn hạn của khoản mục Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.07. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
a) Phải thu khách hàng	1.109.879.703	-	(1.109.879.703)	1.109.879.703
- UBND phường Đại Phúc	279.600.000	-	(279.600.000)	279.600.000
- Công ty TNHH Môi trường Tân Trường Lộc	226.968.703	-	(226.968.703)	226.968.703
- Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu	12.672.000	-	(12.672.000)	12.672.000
- Công ty TNHH Âm thực Khiêu vũ Ba Miền	4.752.000	-	(4.752.000)	4.752.000
- BQL Dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	585.887.000	-	(585.887.000)	585.887.000
b) Phải thu khác	515.495.000	-	(515.495.000)	515.495.000
- Các hộ dân nhận tiền GPMB thừa DA đường vào KXLCT BVMB tỉnh Bắc Ninh	331.481.000	-	(331.481.000)	331.481.000
- Khu ươm cây giống Phù Lãng	184.014.000	-	(184.014.000)	184.014.000
Cộng	1.625.374.703	-	(1.625.374.703)	1.625.374.703
				87.208.800
				(1.022.670.903)
				(279.600.000)
				(226.968.703)
				(12.672.000)
				(4.752.000)
				(498.678.200)
				(515.495.000)
				(331.481.000)
				(184.014.000)
				(1.538.165.903)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị QL	Tài sản cố định khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	27.934.119.927	3.618.650.000	31.434.073.609	369.111.836	78.626.159.000	141.982.114.372
Tăng trong năm	-	-	6.032.412.727	-	-	6.032.412.727
- Mua trong năm	-	-	6.032.412.727	-	-	6.032.412.727
Giảm trong năm	-	-	1.289.391.028	-	-	1.289.391.028
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.289.391.028	-	-	1.289.391.028
Số dư tại 31/12/2020	27.934.119.927	3.618.650.000	36.177.095.308	369.111.836	78.626.159.000	146.725.136.071
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2020	18.512.138.101	1.304.102.772	20.861.954.748	327.576.640	-	41.005.772.261
Tăng trong năm	934.636.464	240.658.332	2.520.563.776	23.702.248	-	3.719.560.820
- Khấu hao trong năm	934.636.464	240.658.332	2.520.563.776	23.702.248	-	3.719.560.820
Giảm trong năm	-	-	1.289.391.028	-	-	1.289.391.028
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.289.391.028	-	-	1.289.391.028
Số dư tại 31/12/2020	19.446.774.565	1.544.761.104	22.093.127.496	351.278.888	-	43.435.942.053
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	9.421.981.826	2.314.547.228	10.572.118.861	41.535.196	78.626.159.000	100.976.342.111
Tại ngày 31/12/2020	8.487.345.362	2.073.888.896	14.083.967.812	17.832.948	78.626.159.000	103.289.194.018

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là:

24.306.392.863

14.100.104.173



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.09. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	37.337.338.574	37.337.338.574	43.094.174.697	43.094.174.697
- Công ty TNHH Thương mại và Cảnh quan Cuộc sống xanh	3.612.488.252	3.612.488.252	7.159.544.654	7.159.544.654
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thương mại Hà Thành	1.962.608.070	1.962.608.070	-	-
- Công ty TNHH SX TM và DV Môi trường Tín Nghĩa	1.642.491.339	1.642.491.339	1.169.595.176	1.169.595.176
- Công ty TNHH xây dựng Lập Thành	3.467.805.434	3.467.805.434	2.424.981.274	2.424.981.274
- Công ty cổ phần Môi trường và công nghiệp Hà Thành	97.212.200	97.212.200	3.064.662.200	3.064.662.200
- Công ty TNHH Nhất Nam Khánh	1.081.502.696	1.081.502.696	1.271.448.721	1.271.448.721
- Công ty TNHH Hồ Nam				
- Công ty cổ phần điện và chiếu sáng An Phú	393.742.783	393.742.783	2.016.017.710	2.016.017.710
- Các đối tượng khác	25.079.487.800	25.079.487.800	25.987.924.962	25.987.924.962
b) Dài hạn				
Cộng	37.337.338.574	37.337.338.574	43.094.174.697	43.094.174.697

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2020
Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	2.740.271.220	5.239.387.367	6.502.514.619	1.477.143.968
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.294.905.003	1.546.420.211	2.004.972.720	836.352.494
- Thuế thu nhập cá nhân	56.457.317	43.409.339	82.005.967	17.860.689
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.558.429.840	1.558.429.840	-
- Các loại thuế	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.091.633.540	8.390.646.757	10.150.923.146	2.331.357.151

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.11. Phải trả khác	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.955.867.418	5.530.770.755
- Kinh phí công đoàn	64.990.198	-
- Bảo hiểm xã hội	256.626	1.829.419.491
- Bảo hiểm y tế	-	331.266.229
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	143.492.672
- Phải trả về CPH {1}	44.528.000	44.528.000
- Ngân sách UBND tỉnh Bắc Ninh	54.194.000	54.194.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.791.898.594	3.127.870.363
Cụ thể:		
+ Dự án công viên Nguyễn Văn Cừ (bảo hành)	801.251.000	801.251.000
+ Công ty xây dựng Việt Đức (bảo hành)	587.360.000	587.360.000
+ Công ty TNHH MTV Môi Trường và CTĐT Bắc Ninh	521.738.000	521.738.000
+ DA đường vào KXLCT BVMB tỉnh Bắc Ninh (bảo hành)	1.657.988.000	-
+ Các đối tượng khác	1.223.561.594	1.217.521.363
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.955.867.418	5.530.770.755
{1} Phải trả các tổ chức, cá nhân về cổ phần hóa	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Số phải trả về cổ phần hóa	144.620.000	144.620.000
- Chi phí cho tổ giúp việc (trích)	(83.592.000)	(83.592.000)
- Chi phí cho tổ giúp việc (phân loại từ TK 3388)	11.000.000	11.000.000
- Phí tư vấn theo Hợp đồng số 23/2017/APEC.TVDN	(27.500.000)	(27.500.000)
Cộng	44.528.000	44.528.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.12. Vốn chủ sở hữu

a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chi tiêu	Số dư tại ngày 01/01/2019	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
- Lãi trong kỳ trước		57.500.000.000	-	275.279.612	6.199.909.571	63.975.189.183
- Bổ sung quỹ		-	-	859.130.406	6.560.498.217	6.560.498.217
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-	-	-	859.130.406
- Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty		-	-	-	1.180.855.432	1.180.855.432
- Trích Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	205.500.000	205.500.000
- Chia cổ tức năm trước		-	-	-	859.130.406	859.130.406
- Thù lao HĐQT, BKS không điều hành		-	-	-	3.482.050.200	3.482.050.200
- Giảm khác năm trước		-	-	-	134.400.000	134.400.000
		57.500.000.000	-	1.134.410.018	6.786.791.749	65.421.201.767
(*) Số dư tại ngày 01/01/2020		57.500.000.000	-	1.134.410.018	6.549.975.989	65.184.386.007
- Lãi trong năm này		-	-	-	6.051.748.553	6.051.748.553
- Bổ sung quỹ		-	-	930.199.351	-	930.199.351
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-	-	2.259.129.657	2.259.129.657
- Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty		-	-	-	137.000.000	137.000.000
- Trích Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	930.199.351	930.199.351
- Chia cổ tức năm nay		-	-	-	2.875.000.000	2.875.000.000
- Thù lao HĐQT, BKS không điều hành		-	-	-	134.400.000	134.400.000
		57.500.000.000	-	2.064.609.369	6.265.995.534	65.830.604.903

(*) Điều chỉnh hồi tố theo Công văn số 2866/UBND-TCKH ngày 14/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh và các điều chỉnh hồi tố khác.

917
 H
 H
 JÁN
 FNA
 10/1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)***b) Chi tiết Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ đông	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- UBND tỉnh Bắc Ninh	37.151.540.000	37.151.540.000
- Công ty CP Môi trường Thuận Thành	14.129.000.000	14.129.000.000
- Ông Vũ Hà Nam	348.460.000	348.460.000
- Các cổ đông là cán bộ công nhân viên	5.871.000.000	5.871.000.000
Cộng	57.500.000.000	57.500.000.000

c) Tỷ lệ vốn góp

Cổ đông	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- UBND tỉnh Bắc Ninh	64,6%	64,6%
- Công ty CP Môi trường Thuận Thành	24,6%	24,6%
- Ông Vũ Hà Nam	0,6%	0,6%
- Các cổ đông là cán bộ công nhân viên	10,2%	10,2%
Cộng	100%	100%

d) Các giao dịch về vốn

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	57.500.000.000	57.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối kỳ	57.500.000.000	57.500.000.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.750.000	5.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.750.000	5.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.750.000	5.750.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	5.750.000	5.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND / Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

6.01. Doanh thu	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu	213.981.781.873	175.914.535.256
- Doanh thu dịch vụ công ích	186.818.131.549	153.443.610.405
- Doanh thu dịch vụ ngoài công ích	27.163.650.324	22.470.924.851
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	213.981.781.873	175.914.535.256
6.02. Giá vốn hàng bán	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Giá vốn dịch vụ công ích	173.306.044.388	136.353.980.983
- Giá vốn dịch vụ ngoài công ích	25.410.056.162	21.957.712.586
Cộng	198.716.100.550	158.311.693.569
6.03. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	864.388.257	1.243.722.463
Cộng	864.388.257	1.243.722.463
6.04. Chi phí tài chính	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Lãi tiền vay	13.798.504	35.960.028
Cộng	13.798.504	35.960.028

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tiếp theo)**

6.05. Chi phí Quản lý doanh nghiệp	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	2.420.805.717	2.611.825.283
- Chi phí vật liệu quản lý	3.096.712	17.897.956
- Chi phí khấu hao TSCĐ	731.304.424	737.022.276
- Thuế, phí và lệ phí	1.719.129.279	1.632.340.423
- Chi phí dự phòng	87.208.800	498.678.200
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	404.470.637	712.500.819
- Chi phí bằng tiền khác	3.289.402.811	4.125.800.573
Cộng	8.655.418.380	10.336.065.530
6.06. Thu nhập khác	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Thu về cho thuê địa điểm kinh doanh ki-ốt	74.090.910	87.272.728
- Thanh lý Tài sản cố định	110.989.091	-
- Thu nhập khác	120.576.644	146.188.725
Cộng	305.656.645	233.461.453
6.07. Chi phí khác	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Phạt chậm nộp thuế và phạt hành chính	133.932.291	186.006.061
- Chi phí thanh lý TSCĐ	18.726.364	-
- Chi phí khác	15.681.922	73.876.000
Cộng	168.340.577	259.882.061
6.08. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.546.420.211	1.887.619.767
- Điều chỉnh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.546.420.211	1.887.619.767

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tiếp theo)**

6.08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.598.168.764	8.448.117.984
Các khoản điều chỉnh		
- Chi phí không được trừ	133.932.291	989.980.852
+ <i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>133.932.291</i>	<i>254.830.061</i>
+ <i>Chi phí của phần khối lượng không được duyệt</i>	<i>-</i>	<i>735.150.791</i>
Tổng lợi nhuận kế toán sau điều chỉnh	7.732.101.055	9.438.098.836
Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Tổng thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.732.101.055	9.438.098.836
Thuế suất	20%	20%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.546.420.211	1.887.619.767

6.09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.051.748.553	6.560.498.217
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.334.293.629	2.530.529.657
+ <i>Trích Quỹ KT, PL và trả thù lao Ban điều hành</i>	<i>2.334.293.629</i>	<i>2.530.529.657</i>
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	3.717.454.924	4.029.968.560
- Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (Cổ phiếu)	5.750.000	5.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	647	701

Lợi nhuận dự kiến giữ lại để phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi và trả thù lao Ban điều hành của năm 2020 được tính dựa trên tỷ lệ đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và trả thù lao Ban điều hành năm 2019 và Lợi nhuận sau thuế năm 2020.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	45.256.308.220	38.388.716.418
- Chi phí nhân công	96.235.020.881	79.231.881.479
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.719.560.820	4.483.452.306
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.912.597.654	36.376.984.490
- Chi phí bằng tiền khác	11.882.797.377	11.885.513.850
Cộng	208.006.284.952	170.366.548.543

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.01. Thông tin bên liên quan

Thông tin

Đối tượng

Quan hệ

Cá nhân

- Ban lãnh đạo công ty

Các thành viên giữ chức vụ quan trọng và tham gia điều hành công ty

7.02. Thu nhập của Ban điều hành

Thu nhập của Ban điều hành công ty	Chức danh	Năm 2020 VND
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc		
- Ngô Minh Châu	Chủ tịch HĐQT	393.350.000
- Vũ Đăng Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	50.400.000
- Vũ Văn Cường	Thành viên HĐQT	50.400.000
- Vũ Đức Thắng (nghỉ hưu từ ngày 01/02/2020)	Giám đốc	151.350.000
- Nguyễn Đình Thu	Phó giám đốc	351.650.000
- Phạm Nhật Quang	Phó giám đốc	277.250.000
Ban kiểm soát		470.770.573
- Nguyễn Văn Cảnh	Trưởng ban kiểm soát	290.150.000
- Nghiêm Thị Oanh	Thành viên	147.020.573
- Vũ Thị Nhuận	Thành viên	33.600.000
Cộng		1.745.170.573

7.03. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM- Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. Một số khoản mục, chỉ tiêu trên Báo cáo được điều chỉnh hồi tố theo Công văn số 2866/UBND-TCKH ngày 14/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh và các điều chỉnh hồi tố khác.

Điều chỉnh hồi tố

a) Tóm lược Bảng cân đối kế toán sau điều chỉnh

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MS	TM	01/01/2020	31/12/2019	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
			Trình bày lại (1)	(Trước điều chỉnh) (2)	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.292.214.517	108.361.377.723	(3.069.163.206)
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	7.000.000.000	(2.000.000.000)
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	{1}	5.000.000.000	7.000.000.000	(2.000.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.644.652.583	73.713.815.789	(1.069.163.206)
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	{2}	67.859.537.062	68.928.700.268	(1.069.163.206)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		103.494.563.900	101.494.563.900	2.000.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	-	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	{1}	2.000.000.000	-	2.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		208.786.778.417	209.855.941.623	(1.069.163.206)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Thông tin so sánh (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MS	TM	01/01/2020	31/12/2019	Chênh lệch
			Trình bày lại (Trước điều chỉnh)		
			(1)	(2)	(3)=(1)- (2)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		64.976.233.410	65.167.750.065	(191.516.655)
I. Nợ ngắn hạn	310		64.976.233.410	65.167.750.065	(191.516.655)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà					
1. nước	313	{2}	4.091.633.540	4.165.250.195	(73.616.655)
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	{3}	-	117.900.000	(117.900.000)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.810.545.007	144.688.191.558	(877.646.551)
I. Vốn chủ sở hữu	410		65.184.386.007	66.062.032.558	(877.646.551)
1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	{2},{3}	6.549.975.989	7.427.622.540	(877.646.551)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		208.786.778.417	209.855.941.623	(1.069.163.206)

b) Tóm lược Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh sau điều chỉnh

CHỈ TIÊU	MS	TM	Đơn vị tính: VND		
			Năm 2019	Năm 2019	Chênh lệch
			(Trình bày lại)	(Trước điều chỉnh)	
			(1)	(2)	(3)=(1)- (2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	{4}	175.914.535.256	176.649.686.047	(735.150.791)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	{4}	8.448.117.984	9.065.368.775	(617.250.791)

c) Các bút toán điều chỉnh Bảng cân đối kế toán bao gồm:

- {1} Phân loại lại khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn) sang khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn): 2.000.000.000 đồng do đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại > 12 tháng tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- {2} Điều chỉnh theo Công văn số 2866/UBND-TCKH ngày 14/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh về việc thực hiện thông báo kết luận và kiến nghị của kiểm toán Nhà nước dẫn đến:
 - o Khoản mục “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” giảm: 1.069.163.206 đồng;
 - o Khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm: 971.966.551 đồng;
 - o Khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” giảm: 97.196.655 đồng.

Theo công văn này, phần cắt giảm khối lượng thực hiện năm 2019 là: 808.665.870 đồng (gồm VAT) và phần cắt giảm khối lượng của các năm 2016,2017,2018 là: 260.497.336 (gồm VAT).

- {3} Khoản mục “Chi phí phải trả ngắn hạn” giảm: 117.900.000 đồng và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tăng tương ứng do công ty không thu hồi được hóa đơn GTGT cho phần chi phí đã trích trước.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Thông tin so sánh (tiếp theo)

d) Các bút toán điều chỉnh Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- {4} Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 735.150.791 đồng do các điều chỉnh hồi tố theo công văn trên cho phần khối lượng bị cắt giảm trong năm 2019 và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" giảm: 617.250.791 đồng do các bút toán {2} và {3}.

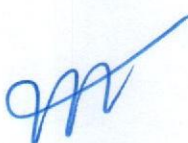
Bắc Ninh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập



Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Minh Châu

